

Bản án số: 167/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 9 năm 2022
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 198/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 427/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 287/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N; Sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn CĐV, huyện PT, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Lê Chí N; Sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CĐN, xã Nguyễn Việt K, huyện PT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Chí N sống chung với nhau như vợ chồng, đến ngày 28/9/2017 bà Nguyễn Thị N và ông Lê Chí N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 105/2017). Quá trình sống chung với nhau thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do mâu thuẫn đã trầm trọng. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Chí N.

Về con chung: Quá trình sống chung giữa bà và ông N có 02 người con tên Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 08/8/2015 (Giới tính nữ) và Lê Quyền Yên N, sinh ngày 14/6/2019

(Giới tính nữ). Hai người con hiện do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung, yêu cầu ông Lê Chí N cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Chí N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Lê Chí N; Về con chung: Có 02 người con tên Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 08/8/2015 và Lê Quyền Yến N, sinh ngày 14/6/2019 cho bà Nguyễn Thị N nuôi dưỡng, buộc ông Lê Chí N cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị N với ông Lê Chí N được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê Chí N là bị đơn có nơi cư trú tại xã Nguyễn Việt K, huyện PPT, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Lê Chí N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị N và ông Lê Chí N.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Chí N sống chung với nhau như vợ chồng đến ngày 28/9/2017 bà Nguyễn Thị N và ông Lê Chí N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 105/2017), do đó hôn nhân của bà Nguyễn Thị N và ông Lê Chí N là hợp pháp. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 13/5/2022 bà Nguyễn Thị N xác định quá trình sống chung với nhau, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Chí N. Đối với ông Lê Chí N, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông N vẫn vắng mặt không lý do, không cung cấp tài liệu, lời khai và chứng cứ để phản đối yêu cầu

khởi kiện của bà Nguyễn Thị N nên ông N tự chịu hậu quả của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Nguyễn Thị N đã gửi đơn yêu cầu ly hôn với ông N một thời gian dài nhưng ông N không có ý kiến gì, điều đó cho thấy ông N không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N với ông Lê Chí N đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Lê Chí N.

[3] Về con chung: Có 02 người con tên Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 08/8/2015 và Lê Quyền Yến N, sinh ngày 14/6/2019. Hai người con hiện do bà Nguyễn Thị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung, yêu cầu ông Lê Chí N cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình giải quyết vụ án ông Lê Chí N không có ý kiến gì về yêu cầu của bà Nguyễn Thị N được nuôi 02 người con chung, đồng thời người con tên Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 08/8/2015 đến ngày xét xử đã trên 7 tuổi và cháu cũng có bản tự khai có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà Nguyễn Thị N. Con chung hiện do chị Ngọc đang nuôi dưỡng, do đó để ổn định về mặt tâm lý, cũng không làm xáo trộn đời sống của trẻ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung tên Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 08/8/2015 và Lê Quyền Yến N, sinh ngày 14/6/2019.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông Lê Chí N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình quy định người không trực tiếp nuôi con thì có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, yêu cầu của bà Nguyễn Thị N là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Lê Chí N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con chung mỗi tháng 750.000 đồng/người cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình bà Nguyễn Thị N phải chịu là 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N đã nộp tạm ứng án phí được đối trừ, chuyển thu. Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Lê Chí N phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 212, 147, 207, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N với ông Lê Chí N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 08/8/2015 (Giới tính nữ) và Lê Quyền Yến N, sinh ngày 14/6/2019 (Giới tính nữ) cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Chí N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng/người kể từ ngày bản án có hiệu lực, pháp luật cho đến khi cháu Lê Thị Ngọc M và Lê Quyền Yến N đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Án phí:

- Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị N phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 10/6/2022, bà Nguyễn Thị N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0017981 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được chuyển thu.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng buộc ông Lê Chí N phải chịu.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- UBND xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
[HẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Bình